

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 03 - 10 - 2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;
2. Ông Trương Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Thị T, sinh năm 1959, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Hồ Văn M, sinh năm 1971, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị A (vợ ông M), sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981;
2. Anh Hồ Văn A, sinh năm 1970;
3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1981;

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Bavet (Bà quách), Campuchia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Hồ Thị T trình bày: Năm 2004, bà T không có chỗ ở nên được Ủy ban nhân dân xã An B, thị xã H và Ban xây dựng nông thôn mới bán trả chậm 01 nền nhà có chiều ngang 06 mét, chiều dài 16 mét với giá khoảng 10.000.000đồng, nhưng bà chưa trả đủ tiền cho Nhà nước mà hàng tháng bà trả lãi cho Nhà nước đầy đủ.

Bà Hồ Thị T có một người em trai tên Hồ Văn M, cũng vào năm 2004, Ủy ban nhân dân xã An B cấp cho Hồ Văn M 01 nền nhà cụm dân cư đường kênh xuống phà nổ, ông Hồ Văn M chê không chịu nhận. Ông Hồ Văn M về nhà nhờ cha mẹ năn nỉ bà cho em ruột tên Hồ Văn M che mái trại nhỏ ở nhờ trên đất của bà Hồ Thị T có chiều ngang 02 mét, chiều dài 16 mét (diện tích này nằm trong diện tích nền nhà của bà mua trả chậm) và bà Hồ Thị T đồng ý, lúc nào có tiền ông Hồ Văn M dọn đi nơi khác; hai năm đầu ông Hồ Văn M đang hoang nhưng đến năm 2006, ông Hồ Văn M nhậu quen biết địa phương nên ông Hồ Văn M mới lộng hành về kiếm chuyện chửi bà, còn xoáy đầu bà Hồ Thị T giật tóc ghì xuống đánh nhiều lần, bà viết đơn thưa Công an xã nhưng không được giải quyết. Nay ông Hồ Văn M đi tỉnh Bình Dương làm ăn có tiền về kêu gạch, đá xây dựng nhà kiên cố, thì bà báo chính quyền địa phương ngăn cản, càng ngày ông Hồ Văn M càng ỷ quen biết, bà chịu đựng không nổi.

Đối với căn nhà của ông Hồ Văn M, hiện nay bỏ trống, không có người nào ở, căn nhà chỉ còn cái xác nhà, không có tài sản gì trong căn nhà, nên bà Hồ Thị T thống nhất hỗ trợ tiền di dời căn nhà gỗ của vợ chồng ông Hồ Văn M với số tiền là 2.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị T yêu cầu ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới trả lại cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng đất diện tích 32m² (chiều ngang 02 mét, chiều dài 16 mét) và tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ để trả lại đất nêu trên, đồng thời bà Hồ Thị T cam kết chỉ có Tòa án giải quyết, chứ không khiếu nại đến cơ quan hành chính nào khác, vì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong Văn bản ghi ý kiến đề ngày 08 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Hồ Văn M trình bày: Năm 2003, ông Hồ Văn M sống chung với cha (cha đã chết) và mẹ tên Võ Thị R do hoàn cảnh gia đình nghèo nên năm 2003 gia đình ông bán một căn nhà ở xã An Bình A, thị xã H, lúc này mẹ ông có cho chị ông là Hồ Thị T 5.000.000đồng và thỏa thuận với bà Hồ Thị T cho gia đình ông vào xây dựng nhà ở cặp nhà bà Hồ Thị T, vì bà Hồ Thị T được Nhà nước cấp bán trả chậm 01 nền nhà theo diện 105, nền ngang 06 mét, chiều dài 16 mét, bà Hồ Thị

T thống nhất cho gia đình ông và mẹ ông ở ngang 02 mét, chiều dài 16 mét, bà T còn ngang 04 mét, dài 16 mét; lô nền của bà Hồ Thị T là lô A, nền số 23 do nền lô này còn thừa 02 mét chiều ngang, nên ông hỏi xin dự án và xã cho ông được cất thêm 02 mét ngang, tổng cộng ông có nền chiều ngang 04 mét, chiều dài 16 mét. Trong quá trình cất nhà giữa ông với bà Hồ Thị T có thỏa thuận cất chung vách mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ tiền vật liệu, còn tiền công do tự xây nên không tính.

Khi thỏa thuận và tiến hành xây cất không có ai có ý kiến gì khác, cất nhà xong ông Hồ Văn M và vợ, con ông về ở cũng không ai tranh cãi gì cả và đã được Nhà nước chấp thuận cho cất (mặc nhận) và đã cấp hộ khẩu cho gia đình ông Hồ Văn M.

Đến nay, do hoàn cảnh nghèo nên ông phải đi làm thuê ở xa nên mẹ ông Hồ Văn M di chuyển về ở với em út tên Hồ Văn A, nên bà Hồ Thị T kiện đuổi nhà ông Hồ Văn M là hết sức ép buộc; sự thật gia đình ông Hồ Văn M và mẹ ông Hồ Văn M hiện không còn chỗ ở nào khác, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông M thừa nhận có mua 01 nền nhà gần nhà của người em ruột tên Hồ Văn A để cho con ở.

Đối với căn nhà của ông Hồ Văn M, hiện nay căn nhà không có ai ở, căn nhà trống, không có tài sản gì trong căn nhà; ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A (vợ ông Hồ Văn M) có quyền quyết định đối với căn nhà này, còn các con không có quyền, nên vợ chồng ông Hồ Văn M yêu cầu bà Hồ Thị T hỗ trợ tiền di dời căn nhà gỗ với số tiền 20.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hồ Văn M không thống nhất theo yêu cầu của bà Hồ Thị T; Nếu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông phải liên đới tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ để trả lại cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng đất diện tích 32m², thì ông yêu cầu bà Hồ Thị T phải hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ với số tiền là 20.000.000đồng. Ngoài ra, ông không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị A trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của chồng bà tên Hồ Văn M, bà không thống nhất với yêu cầu của bà Hồ Thị T, do phần đất này là của bà T chia lại cho gia đình bà, nên bà mới cất nhà ở ổn định từ năm 2003 cho đến nay. Ngoài ra, bà không yêu cầu, ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng và chấp hành tốt; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới trả quyền sử dụng đất diện tích 32m² và di dời một phần căn nhà gỗ, 01 tủ quần áo đã qua sử dụng ra khỏi phần đất nói trên để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị T; đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn; ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị T về việc tự nguyện hỗ trợ cho vợ chồng ông Hồ Văn M tiền di dời căn nhà gỗ với số tiền 2.000.000đồng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới trả lại cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng đất, diện tích 32m² và tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ gắn liền với đất được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất đang tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 32m² (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng), đồng thời các đương sự cam kết chỉ khởi kiện tại Tòa án chứ không khiếu nại đến cơ quan hành chính nào khác, căn cứ vào Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, nên Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Trên phần đất đang tranh chấp có một phần căn nhà gỗ của ông Hồ Văn M, khung gỗ tạp, mái tôn sóng tròn, vách tôn, nền lát xi măng, không cửa. Hiện nay, căn nhà này không có ai ở, nhà đóng cửa.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất đang tranh chấp: Ngày 10 tháng 11 năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thị xã H) có bán nền nhà trả chậm cho hộ bà Hồ Thị T (nhưng thực tế chỉ một mình bà Hồ Thị T có quyền quyết định, định đoạt nền nhà này, các con của bà T có chung hộ khẩu nhưng không có sống chung trong căn nhà này), lô A, nền nhà số 26 (hiện nay, nền nhà số 26 đã được điều chỉnh thành nền nhà số 23), diện tích 96m² tại Cụm dân cư Trung tâm xã An B với giá 10.460.000đồng; ngày 31 tháng 7 năm 2019, cá nhân bà Hồ Thị T đã nộp đủ tiền nền nhà nêu trên và làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do đất đang tranh chấp nên không làm thủ tục được.

[5] Ông Hồ Văn M khai: Bà Hồ Thị T có cho ông Hồ Văn M mượn đất ở ngang 02 mét, dài 16 mét và nói sau này chia lại cho ông Hồ Văn M phần đất mượn này; bà Hồ Thị T thừa nhận có cho ông Hồ Văn M mượn đất để ở (vì bà Hồ Thị T nghĩ là chỗ chị em ruột, nên không có làm giấy tờ) và khi nào ông Hồ Văn M có điều kiện sẽ trả đất lại, còn việc ông Hồ Văn M nói sau này bà Hồ Thị T sẽ chia lại phần đất mượn này thì bà Hồ Thị T không thừa nhận và ông Hồ Văn M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, xét thấy việc bà Hồ Thị T có cho ông Hồ Văn M mượn đất ở ngang 02 mét, chiều dài 16 mét là có thật (phù hợp với lời khai của người làm chứng tên Hồ Văn A), tuy nhiên việc cho mượn đất này không có làm bằng văn bản mà chỉ nói bằng miệng, không quy định thời gian trả đất. Do đó, việc bà Hồ Thị T làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã An B vào ngày 26 tháng 6 năm 2018 đối với ông Hồ Văn M thì được coi như ngày bà Hồ Thị T thông báo cho ông Hồ Văn M biết về việc phải tháo dỡ, di dời căn nhà ra khỏi đất cho mượn.

[6] Ông Hồ Văn M khai: Chính quyền xã mặc nhận cho ông cất nhà trên phần đất công (đất vỉa hè) có chiều ngang 02 mét, chiều dài 16 mét tiếp giáp với phần đất của bà Hồ Thị T cho ông Hồ Văn M mượn để cất nhà ở, nên ông Hồ Văn M mới cất được căn nhà gỗ, mái lợp tôn (hiện nay, trong căn nhà này không có tài sản nào khác). Tòa án yêu cầu Ủy ban nhân dân xã An B cung cấp thông tin về việc Ủy ban có cho ông Hồ Văn M sử dụng (cất nhà) trên lộ giới (đất vỉa hè) có chiều ngang 02 mét, chiều dài 16 mét hay không, thì Ủy ban nhân dân xã An B có văn bản số: 236/UBND-HC đề ngày 19/6/2019 về việc trả lời theo yêu cầu của Tòa án, kết quả: Việc ông Hồ Văn M cất nhà trên phạm vi (vĩa hè) chiều ngang 02 mét, chiều dài 16 mét là tự ý bao chiếm cất; vào tháng 8 năm 2018, ông Hồ Văn M có xây dựng bó nền trên phạm vi 02 mét (vĩa hè), Ủy ban có lập biên bản yêu cầu ông Hồ Văn M tháo dỡ việc cất nhà bao chiếm trên phạm vi (vĩa hè) trả lại hiện trạng ban đầu.

[7] Ông Hồ Văn M khai: Vách tường nhà của bà T đang quản lý, sử dụng là vách chung do ông M và bà T hùn làm, xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, ông M khai toàn bộ vật liệu xây dựng để xây vách tường này đều do bà T trả tiền và sau đó ông trả lại cho bà T, nhưng bà T không thừa nhận và ông cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, đồng thời ông M khai có trả tiền công cho anh H số tiền 350.000đồng, anh H bớt 50.000đồng và lấy 300.000đồng, nhưng anh H lại khai chỉ tiếp công xây dựng, chứ không lấy tiền công. Như vậy vách tường này là của bà T.

[8] Đối với căn nhà gỗ của ông Hồ Văn M, xét thấy: Theo lời khai của các bên đương sự đều thừa nhận hiện căn nhà gỗ không có người nào sinh sống tại căn nhà này, không có tài sản nào gắn liền với đất, chỉ còn có một khung nhà gỗ của vợ chồng ông Hồ Văn M. Tuy nhiên, mặc dù hiện nay vợ chồng ông Hồ Văn M không còn ở, nhưng cần thiết phải cho vợ chồng ông Hồ Văn M lưu cư 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

[9] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, xét thấy: Ông Hồ Văn M yêu cầu bà Hồ Thị T phải bồi thường thiệt hại căn nhà gỗ với số tiền 20.000.000đồng là ý kiến phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn, không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, nên cần phải đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố này; bà Hồ Thị T đã cho ông M cất nhà để ở và hôm nay, bà Hồ Thị T yêu cầu vợ chồng ông Hồ Văn M phải tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ để trả đất lại cho bà, nên bà đã tự nguyện hỗ trợ cho ông M số tiền 2.000.000đồng, nên chấp nhận. Tuy nhiên, số tiền hỗ trợ 2.000.000đồng là ít so với việc tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ. Do đó, bà Hồ Thị T phải có trách nhiệm hỗ trợ thêm tiền tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ cho vợ chồng ông Hồ Văn M với số tiền 3.000.000đồng, tổng cộng 5.000.000đồng.

[10] Như vậy, có đủ chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị T đang quản lý, sử dụng là hợp pháp. Do đó, bà Hồ Thị T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là bà Hồ Thị T là có đủ chứng cứ, nên chấp nhận, buộc ông Hồ Văn

M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới trả lại cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng đất diện tích 32m² và liên đới tháo dỡ, di dời một phần căn nhà gỗ, tài sản gắn liền với đất nói trên để trả lại quyền sử dụng đất cho bà T theo quy định của pháp luật.

[12] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Hồ Văn M phải liên đới trả lại cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng đất diện tích 32m² và liên đới tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ, tài sản gắn liền với đất nói trên để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị T theo quy định của pháp luật; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[13] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 12, Điều 15 và khoản 2, 6, 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hồ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đồng thời bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự, nên không đặt vấn đề xử lý; ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 640.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (do Nguyễn Thị S nộp thay) theo biên lai thu số: 0007275 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A còn phải nộp thêm 340.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[14] Xét về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Hồ Thị T không phải chịu chi phí thẩm định; ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới chịu chi phí thẩm định 1.792.000đồng, nhưng bà T nộp tạm ứng và đã chi xong, nên ông M và bà A phải liên đới trả lại cho bà T số tiền 1.792.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 100, 166 và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 12, Điều 15 và khoản 2, 6, 9 Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị T.

Buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới trả lại cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng đất diện tích 32m², trong phạm vi các mốc từ 01, 02, 05, 06 và trở về mốc 01, đất tọa lạc tại Ấp A, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng đất diện tích 32m², trong phạm vi các mốc từ 01, 02, 05, 06 và trở về mốc 01, đất tọa lạc tại Ấp A, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới tháo dỡ, di dời một phần căn nhà gỗ có chiều ngang 02 mét, chiều dài 16 mét ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho bà Hồ Thị T theo quy định của pháp luật.

Ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A được lưu cư 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Hồ Thị T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 32m² theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số: 05 – 2019 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 4 năm 2019).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Hồ Văn M, về việc yêu cầu bà Hồ Thị T phải hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ.

Bà Hồ Thị T phải có trách nhiệm hỗ trợ cho ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A tiền tháo dỡ, di dời một phần căn nhà gỗ có chiều ngang 02 mét, chiều dài 16 mét ra khỏi quyền sử dụng đất diện tích 32m² nói trên với số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ khi ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Hồ Thị T chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đồng thời bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự, nên không đặt vấn đề xử lý;

Ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 640.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (do Nguyễn Thị S nộp thay) theo biên lai thu số: 0007275 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A còn phải nộp thêm 340.000đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Hồ Thị T không phải chịu chi phí thẩm định;

Ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới chịu tổng cộng 1.792.000đồng (một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng). Do bà Hồ Thị T đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị A phải liên đới nộp toàn bộ số tiền nêu trên là 1.792.000đồng (một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) để trả lại cho bà Hồ Thị T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03 tháng 10 năm 2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung